



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.100.331.970.526	973.554.889.169
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	7.263.506.456	24.337.271.891
1. Tiền	111		7.263.506.456	24.337.271.891
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	10.630.000.000	10.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.630.000.000	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		981.245.708.448	846.822.737.614
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	950.377.815.490	732.715.666.375
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	37.370.128.426	112.327.218.292
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	9.155.004.025	18.675.606.238
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(15.657.239.493)	(16.895.753.291)
IV. Hàng tồn kho	140	11	87.417.113.839	81.237.668.703
1. Hàng tồn kho	141		87.417.113.839	81.237.668.703
1. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.775.641.783	11.157.210.961
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	9.101.823.560	10.989.395.001
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.673.779.692	167.815.960
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	38.531	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		964.906.784.773	977.003.356.327
II. Tài sản cố định	220		362.164.861.601	344.657.180.234
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	272.915.989.348	255.358.780.153
- Nguyên giá	222		330.210.540.455	305.226.057.043
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.294.551.107)	(49.867.276.890)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	89.248.872.253	89.298.400.081
- Nguyên giá	228		89.347.927.909	89.347.927.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(99.055.656)	(49.527.828)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	12	1.012.612.182	2.993.965.222
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.012.612.182	2.993.965.222
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	295.973.804.046	330.064.637.803
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		107.580.781.546	107.373.624.546
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		233.503.969.597	234.503.969.597
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(45.110.947.097)	(11.812.956.340)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		305.755.506.944	299.287.573.068
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	298.149.257.648	299.287.573.068
2. Lợi thế thương mại	269		7.606.249.296	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.065.238.755.299	1.950.558.245.496



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.221.414.975.542	1.062.442.908.405
I. Nợ ngắn hạn	310		1.056.256.882.471	768.765.123.132
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	479.444.753.978	193.010.747.295
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	180.864.423.400	181.686.420.640
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	1.219.916.323	3.873.963.970
4. Phải trả người lao động	314		500.216.466	328.209.559
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	847.641.941	430.663.937
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	343.618.942	122.322.984
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	385.159.587.284	384.364.029.550
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.876.724.137	4.948.765.197
II. Nợ dài hạn	330		165.158.093.071	293.677.785.273
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	158.978.466.554	289.603.800.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	.a	6.179.626.517	4.073.985.273
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		843.823.779.757	888.115.337.091
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	843.823.779.757	888.115.337.091
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		693.299.280.000	693.299.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.249.100.000)	(3.249.100.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.692.449.297	9.761.921.400
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		135.799.090.992	186.277.279.890
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		180.194.801.470	126.972.001.096
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(44.395.710.478)	59.305.278.794
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.282.059.468	2.025.955.801
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		2.065.238.755.299	1.950.558.245.496

Nguyễn Thị Thùy
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởngNguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2019		06 tháng đầu năm 2019		Quý II/2018		06 tháng đầu năm 2018	
			VND		VND		VND		VND	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	529.151.333.471		975.533.431.806		680.720.466.237		1.246.618.068.931	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-				-	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		529.151.333.471		975.533.431.806		680.720.466.237		1.246.618.068.931	
4. Giá vốn hàng bán	11	26	521.333.611.890		952.629.958.702		633.166.142.344		1.175.253.930.323	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7.817.721.581		22.903.473.104		47.554.323.893		71.364.138.608	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	1.694.617.549		13.148.015.494		3.725.389.375		4.320.860.020	
7. Chi phí tài chính	22	28	49.449.617.671		58.673.101.828		26.175.397.043		29.609.424.403	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.054.590.220		23.754.101.472		21.644.284.295		32.407.989.090	
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		77.620.266		207.157.000		-		-	
9. Chi phí bán hàng	25	29	5.568.566.664		12.070.454.218		7.555.051.908		12.922.239.097	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	1.533.432.784		5.450.761.897		2.917.008.989		5.094.260.628	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+(24-(25+26))	30		(46.961.657.723)		(39.935.672.345)		14.632.255.328		28.059.074.500	
12. Thu nhập khác	31		133.271.280		146.942.645		521.508.495		546.496.370	
13. Chi phí khác	32		609.773.020		1.185.821.010		117.830.892		129.830.892	
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(476.501.740)		(1.038.878.365)		403.677.603		416.665.478	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(47.438.159.463)		(40.974.550.710)		15.035.932.931		28.475.739.978	

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019

					MÃ SỐ B 02-DN Đơn vị: VND
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	-	1.114.390.832	3.014.645.219	5.707.110.428
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	2.027.418.355	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	(47.438.159.463)	(44.116.359.897)	12.021.287.712	22.768.629.550
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	(47.438.159.463)	(41.895.288.615)	12.021.287.712	22.768.629.550
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(2.221.071.282)		-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70				328

Nguyễn Thị Thùy
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2019

HẢI PHÒNG
NH
KHẨU
N
TY
28/7/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(40.974.550.710)	28.475.739.978
6. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		8.489.282.528	12.221.414.924
- Các khoản dự phòng	03		32.628.052.742	(7.002.371.250)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		5.639.888	28.856.526
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(281.660.932)	(568.609.343)
- Chi phí lãi vay	06		23.754.101.472	32.407.989.090
12 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23.620.864.988	65.563.019.925
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(139.541.514.114)	45.469.533.387
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.179.445.136)	(14.883.280.064)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		286.540.350.916	69.170.171.144
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.025.886.861	(8.933.336.039)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(24.101.714.605)	(32.407.989.090)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.558.924.481)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		139.805.504.429	123.978.119.263
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(18.681.082.009)	(7.097.197.949)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.272.727.273	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(630.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	10.803.086.231
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(9.800.000.000)	(1.000.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		794.500.472	853.793.587
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27.043.854.264)	3.559.681.869
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		83.791.787.170	106.565.713.136
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(213.621.562.882)	(233.071.707.929)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(129.829.775.712)	(126.505.994.793)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(17.068.125.547)	1.031.806.339

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2019	2018
			VND	VND
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		24.337.271.891	64.283.124.830
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(5.639.888)	(9.515.556)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	<u>7.263.506.456</u>	<u>65.305.415.613</u>

Nguyễn Thị Thùy
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007 đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 05 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 693.299.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 693.299.280.000 đồng; tương đương 69.329.928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón DAP và các sản phẩm hóa chất phục vụ cho sản xuất phân bón trong nước. Đồng thời, Công ty cung cấp các dịch vụ về kho bãi ngoại quan và các dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

Cấu trúc Tập đoàn**Tổng số công ty con:**

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 02 Công ty
- Số lượng công ty con không được hợp nhất: 0 Công ty

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2019 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cát	Hải Phòng	99,00%	99,00%	Sản xuất phân bón
Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD	Hải Phòng	54,00%	54,00%	Dịch vụ cảng

Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2019 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	Hà Nội	36,29%	36,29%	Thương mại hóa chất sản xuất phân bón

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TÊ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn

Trường hợp trước ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty mẹ không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc: Tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát, giá trị khoản đầu tư trước đây được đánh giá lại theo giá trị hợp lý và phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp trước ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty con là công ty liên kết của công ty mẹ và đã được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu: Tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại theo giá trị hợp lý và phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	2.226.453.052	1.333.991.662
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.037.053.404	23.003.280.229
	7.263.506.456	24.337.271.891

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	10.630.000.000	10.630.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
	10.630.000.000	10.630.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
	10.630.000.000	10.630.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị xác định lại theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị xác định lại theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	105.881.626.363	107.580.781.546	-	105.881.626.363	107.373.624.546	-
	105.881.626.363	107.580.781.546	-	105.881.626.363	107.373.624.546	-
Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD	233.503.969.597	188.393.022.500	(45.110.947.097)	234.503.969.597	222.691.013.257	(11.812.956.340)
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	233.503.969.597	188.393.022.500	(45.110.947.097)	1.000.000.000	608.885.557	(391.114.443)
	233.503.969.597	188.393.022.500	(45.110.947.097)	233.503.969.597	222.082.127.700	(11.421.841.897)
	339.385.595.960	295.973.804.046	(45.110.947.097)	340.385.595.960	330.064.637.803	(11.812.956.340)

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: xem chi tiết tại Thuyết minh số .

16 NH KHẨU TY 0878

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH TM XNK Nhật Thụy	103.016.690.985	96.304.016.189
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Bình Phú	76.745.714.588	141.040.914.588
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	318.193.675.004	183.984.157.749
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	328.366.449.791	192.700.798.791
Công ty SW Intertrade Trading	-	51.950.867.729
Các khoản phải thu khách hàng khác	124.055.285.122	66.734.911.329
	950.377.815.490	732.715.666.375

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển Phân bón Đình Vũ	2.737.633.691	-	59.765.883.691	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Dịch vụ Việt Đức	-	-	13.261.000.000	-
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào	5.522.090.000	-	-	-
Trả trước khác	29.110.404.735	(2.232.912.956)	39.300.334.601	(2.270.120.856)
	37.370.128.426	(2.232.912.956)	112.327.218.292	(2.270.120.856)

9 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	131.348.562	-	437.299.058	-
Tạm ứng	362.699.234	-	443.242.534	-
Ký cược, ký quỹ	8.278.878.183	-	17.562.088.000	-
Phải thu khác	382.078.046	-	232.976.646	-
	9.155.004.025	-	18.675.606.238	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019

10 . NỢ XẤU

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty Cổ phần DAP2-Vinachem	22.976.640.695	11.488.320.348	24.979.252.490	12.489.626.245
Công ty Cổ phần Hóa chất Phúc	4.465.825.912	2.232.912.956	4.540.241.712	2.270.120.856
Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Spotlight	2.863.598.538	1.431.799.269	2.863.598.538	1.431.799.269
Đối tượng khác	1.007.087.917	504.206.920	1.407.087.917	702.880.997
	31.313.153.062	15.657.239.493	33.790.180.657	16.894.427.367

11 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	29.708.799.351	-	19.705.961.678	-
Công cụ, dụng cụ	199.854.894	-	140.348.678	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.090.696.222	-	6.143.272.198	-
Thành phẩm	38.833.951.378	-	30.863.582.167	-
Hàng hoá	13.583.811.994	-	24.384.503.982	-
	87.417.113.839	-	81.237.668.703	-

12 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.012.612.182	2.993.965.222
Dự án Nhà máy sản xuất NPK Thủy Nguyên	868.862.182	868.862.182
Dự án Kho Ngoại quan Đình Vũ	143.750.000	2.125.103.040
	1.012.612.182	2.993.965.222

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2019	204.998.661.033	69.290.112.891	26.944.195.481	3.993.087.638	-	305.226.057.043
Mua sắm	-	4.048.433.008	20.762.893.435	152.120.000	-	24.963.446.443
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.448.884.969	-	-	-	-	2.448.884.969
Tăng khác	72.912.000	-	-	-	-	72.912.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.500.760.000)	-	-	(2.500.760.000)
Tại ngày 30/06/2019	207.520.458.002	73.338.545.899	45.206.328.916	4.145.207.638	-	330.210.540.455
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2019	30.957.893.518	9.158.479.862	8.289.280.105	1.461.623.405	-	49.867.276.890
Trích khấu hao	5.319.794.759	1.640.846.262	1.280.615.269	198.498.410	-	8.439.754.700
Tăng khác	8.663.200	-	-	-	-	8.663.200
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.021.143.683)	-	-	(1.021.143.683)
Tại ngày 30/06/2019	36.286.351.477	10.799.326.124	8.548.751.691	1.660.121.815	-	57.294.551.107
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2019	174.040.767.515	60.131.633.029	18.654.915.376	2.531.464.233	-	255.358.780.153
Tại ngày 30/06/2019	171.234.106.525	62.539.219.775	36.657.577.225	2.485.085.823	-	272.915.989.348

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất
	VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2019	89.347.927.909
Tại ngày 30/06/2019	89.347.927.909
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2019	49.527.828
Trích khấu hao	49.527.828
Tại ngày 30/06/2019	99.055.656
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2019	89.298.400.081
Tại ngày 30/06/2019	89.248.872.253

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí thuê đất tại Đình Vũ	7.653.849.372	7.770.752.676
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	66.453.888	137.175.480
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.381.520.300	2.287.292.583
Chi phí thuê đất tại Cao Bằng	-	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	794.174.262
	9.101.823.560	10.989.395.001
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí thuê đất tại Đình Vũ	278.661.959.735	280.063.064.273
Chi phí thuê đất tại Thủy Nguyên, Hải Phòng	6.304.939.877	6.621.555.172
Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất	5.602.515.893	8.421.969.494
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	5.445.809.486	1.700.044.096
Công cụ dụng cụ xuất dùng	730.021.173	1.482.920.206
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.404.011.484	998.019.827
	298.149.257.648	299.287.573.068

16 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Giá trị lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con trong kỳ	7.606.249.296	-
	7.606.249.296	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019

17 . PHẢI NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương	161.744.972.567	161.744.972.567	159.911.682.567	159.911.682.567
Fagro International Trading Fze	9.680.967.807	9.680.967.807	12.357.170.476	12.357.170.476
Công ty Cổ phần Đầu tư AFC	43.314.808.998	43.314.808.998	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và TMDV Việt Đức	209.882.700.000	209.882.700.000	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	28.449.840.000	28.449.840.000	-	-
Các khoản phải trả khác	26.371.464.606	26.371.464.606	20.741.894.252	20.741.894.252
	479.444.753.978	479.444.753.978	193.010.747.295	193.010.747.295

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ông Bùi Tổ Minh (Tiền đặt cọc mua cổ phần Vinachimex) ⁽¹⁾	85.511.700.000	85.511.700.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường Eco&More	94.000.000.000	94.000.000.000
Người mua ứng tiền trước khác	1.352.723.400	2.174.720.640
	180.864.423.400	181.686.420.640

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	69.788.679	2.577.739.250	2.464.905.388	-	182.622.541
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	345.289.341	3.404.240.966	3.749.530.307	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.458.885.950	1.114.390.832	3.558.885.950	-	1.014.390.832
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	121.248.989	98.346.039	-	22.902.950
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	458.303.667	458.303.667	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	512.910.000	512.910.000	-	-
	-	3.873.963.970	8.188.833.704	10.842.881.351	-	1.219.916.323

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019

20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	83.050.804	430.663.937
Chi phí vận chuyển	654.591.137	-
Chi phí phải trả khác	110.000.000	-
	847.641.941	430.663.937

21 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	86.268.524	92.295.184
Bảo hiểm xã hội	151.051.697	-
Bảo hiểm y tế	26.164.083	-
Bảo hiểm thất nghiệp	11.015.638	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	20.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	49.119.000	30.027.800
	343.618.942	122.322.984

02007
CÔNG
CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP
KHẨU QUẢNG BÌNH
VG-TP.V

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2019		Trong kỳ		30/06/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
<i>Vay ngắn hạn</i>						
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam	359.962.989.550	359.962.989.550	74.282.787.284	61.099.389.550	373.146.387.284	373.146.387.284
- Chi nhánh Thủ Đức ⁽¹⁾	185.800.000.000	185.800.000.000	-	7.000.000.000	178.800.000.000	178.800.000.000
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam						
- CN Bắc Hải Phòng ⁽²⁾	120.000.000.000	120.000.000.000	-	-	120.000.000.000	120.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển						
- thành phố Hồ Chí Minh - CN Hải Phòng	49.500.000.000	49.500.000.000	-	49.500.000.000	-	-
- Ngân hàng Techcombank - CN						
- Hải Phòng			720.000.000	720.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam						
- Thịnh Vượng (Vpbank) - Chi	2.966.400.000	2.966.400.000	-	2.125.800.000	840.600.000	840.600.000
- nhánh Hải Phòng ⁽³⁾						
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu						
- Đức Nguyễn	1.696.589.550	1.696.589.550	-	1.696.589.550	-	-
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan						
- Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽⁴⁾	-	-	11.392.326.800	-	11.392.326.800	11.392.326.800
- Ngân hàng TMCP Phát triển						
- Thành phố Hồ Chí Minh (HD						
- Bank) - CN Hải Phòng ⁽⁵⁾	-	-	62.170.460.484	57.000.000	62.113.460.484	62.113.460.484



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2019		Trong kỳ		30/06/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	24.401.040.000	24.401.040.000	-	12.387.840.000	12.013.200.000	12.013.200.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng	374.640.000	374.640.000	-	374.640.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	23.880.000.000	23.880.000.000	-	11.940.000.000	11.940.000.000	11.940.000.000
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hải Phòng	146.400.000	146.400.000	-	73.200.000	73.200.000	73.200.000
	384.364.029.550	384.364.029.550	74.282.787.284	73.487.229.550	385.159.587.284	385.159.587.284

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2019		Trong kỳ		30/06/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
- Công ty Cổ phần XNK Đức						
- Nguyễn	140.000.000.000	140.000.000.000	-	140.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương						
- Việt Nam - CN Hải Phòng ⁽⁶⁾	149.420.000.000	149.420.000.000	-	-	149.420.000.000	149.420.000.000
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên						
- Việt - Chi nhánh Hải Phòng ⁽⁷⁾	183.800.000	183.800.000	-	-	183.800.000	183.800.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong -						
- CN Hải Phòng ⁽⁸⁾	-	-	9.508.999.886	134.333.332	9.374.666.554	9.374.666.554
	289.603.800.000	289.603.800.000	9.508.999.886	140.134.333.332	158.978.466.554	158.978.466.554

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND		VND	VND	VND	VND	VND	VND
06 tháng đầu năm 2019								
Tại ngày 01/01/2019	693.299.280.000		(3.249.100.000)	9.761.921.400	186.277.279.890	2.025.955.801	888.115.337.091	
Lãi/lỗ trong kỳ này	-		-	-	(41.895.288.615)	(2.221.071.282)	(44.116.359.897)	
Phân phối lợi nhuận	-		-	5.930.527.897	(8.895.791.837)	-	(2.965.263.940)	
Tặng khác	-		-	-	312.891.554	2.477.174.949	2.790.066.503	
Giảm khác	-		-	-	-	-	-	
Tại ngày 30/06/2019	693.299.280.000		(3.249.100.000)	15.692.449.297	135.799.090.992	2.282.059.468	843.823.779.757	

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHCD ngày 20 tháng 04 năm 2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Số tiền	
	Tỷ lệ %	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	59.305.278.974
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00%	5.930.527.897
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,00%	2.965.263.940
Lợi nhuận chưa phân phối	85,00%	50.409.487.155

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2019		01/01/2019	
	Tỷ lệ VND	(%)	Tỷ lệ VND	(%)
Ông Nguyễn Thanh Bình	50.000.000.000	7,21%	50.000.000.000	7,21%
Bà Nguyễn Thị Hương	92.005.790.000	13,27%	92.005.790.000	13,27%
Các cổ đông khác	551.293.490.000	79,52%	551.293.490.000	79,52%
	693.299.280.000	100%	693.299.280.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	693.299.280.000	693.299.280.000
- Vốn góp đầu kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000
- Vốn góp cuối kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	69.329.928	69.329.928
- Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.329.928	69.329.928
- Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	15.692.449.297	9.761.921.400
	15.692.449.297	9.761.921.400

24 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	30/06/2019	01/01/2019
Đồng đô la Mỹ (USD)	109.284,59	30.292,31

25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	966.939.784.163	1.184.959.699.629
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.593.647.643	61.658.369.302
	975.533.431.806	1.246.618.068.931

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	43.601.046.405	50.031.999.654
Giá vốn của hàng hóa đã bán	890.335.162.932	1.093.026.128.153
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	18.693.749.365	32.195.802.516
	952.629.958.702	1.175.253.930.323

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	488.549.976	568.609.343
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	10.557.446.274	769.515.959
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.769.051.746	2.982.734.718
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	332.967.498	-
	13.148.015.494	4.320.860.020

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	23.754.101.472	32.407.989.090
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	1.503.807.985
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.149.429.400	2.671.142.052
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	80.392.574	28.856.526
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và t	33.689.105.200	(7.002.371.250)
Chi phí tài chính khác	73.182	-
	58.673.101.828	29.609.424.403

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

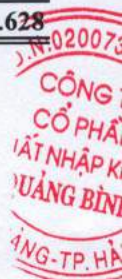
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	340.000	147.689
Chi phí nhân công	412.390.913	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	142.518.486
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.957.971.048	12.751.072.923
Chi phí khác bằng tiền	699.752.257	28.499.999
	12.070.454.218	12.922.239.097

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	262.685.765	109.817.458
Chi phí nhân công	4.207.497.465	2.183.536.987
Chi phí khấu hao tài sản cố định	603.036.349	473.037.817
Thuế, phí, lệ phí	80.412.970	4.000.000
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(1.061.052.458)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.097.557.500	1.992.624.192
Chi phí khác bằng tiền	260.624.306	331.244.174
	5.450.761.897	5.094.260.628



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

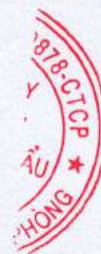
Nguyễn Thị Thùy
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số:0207/2019/PKT

Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Độc Lập –Tự Do –Hạnh Phúc

*****oOo*****

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2019

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam

- Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- Căn cứ Khoản 4 điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2015.

- Căn cứ quy trình công bố thông tin của Công ty CP xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (Mã cổ phiếu: QBS) xin giải trình về chỉ tiêu số 60: Lợi nhuận sau thuế trên BCTC hợp nhất quý II/2019 như sau:

Theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/06/2019 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình, tổng lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo KQHĐKD hợp nhất của Công ty lỗ 47,438 tỷ đồng.

Tại thời điểm quý II/2018, công ty không có công ty con nên không thực hiện BCTC hợp nhất, chỉ có số liệu tổng lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng. Bởi vậy, số liệu trên BCTC hợp nhất quý II/2019 không có giá trị để so sánh với số liệu trên BCTC quý II/2018.

Bằng công văn này, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình kính giải trình lên HOSE và UBCKNN về số liệu lợi nhuận sau thuế đối với Kết quả kinh doanh hợp nhất của quý II/2019 của Công ty.



Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi
- Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK QUẢNG BÌNH *Ph*



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Thanh Hương

